TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THUỶ** TỈNH THANH HOÁ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Tình; Ông Lê Đình Thọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dương - kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023 ngày 28/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đắc L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2023, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị Phạm Thị Đ và anh Phạm Đắc L do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2006, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L hay đánh đập, chửi bới chị dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng bắt đầu ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh L.

Bị đơn anh Phạm Đắc L trình bày: Anh và chị Đ do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy

định tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Đắc H, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 17/9/2008. Vào năm 2022 do anh đi làm xa ở Hà Nội, chị Đ ở nhà chỉ lo cho con ăn học, không lo làm ăn mỗi lần anh gọi điện thoại về chị Đ nói đi chơi nên anh không đồng ý thì vợ chồng bắt đầu xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, yêu cầu được hàn gắn tình cảm do anh vẫn còn thương vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đắc H, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 17/9/2008. Chị Đ có nguyện vọng được nuôi cháu N, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị Đ ly hôn anh Phạm Đắc L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đắc H, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 17/9/2008. Giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Đắc L trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Phạm Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

Anh Phạm Đắc L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị Đ và anh L phát sinh mâu thuẫn là do anh L thường xuyên đánh đập chửi bới, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Chị Đ xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, chị Đ có đơn đề nghị không hòa giải. Anh L cũng thừa nhận năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khi anh đi làm ăn xa ở Hà Nội, chị Đ ở nhà không chịu làm ăn, mỗi lần anh gọi điện thoại về nhà thì chị Đ nói đi chới, anh không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm. Theo biên bản xác minh ngày 12/9/2023 tại địa phương cho biết, trong quá trình chung sống chị Đ và anh L có mâu thuẫn do anh L thường xuyên đánh đập chị Đ, chị Đ có thông tin cho chính quyền địa phương biết, địa phương đã động viên nhiều lần nhưng không đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đ được ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đắc H, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 17/9/2008. Chị Đ và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Cháu N có nguyện vọng được sống với chị Đ, cháu H có nguyện vọng sống với anh L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thị Hồng N cho chị Đ nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Đắc H cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Đ và anh L không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 227, khoản

1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Đắc L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đắc H, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 17/9/2008. Giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu giải quyết. Chị Đ và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010521 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị Đ đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Cẩm Vân;
- Lưu: HSVA.

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**